TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số:101/2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2019
V/v "Ly hôn , tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Lê Minh Chiến
2- Ông Hồ Xuân Dũng
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hào - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 32 Ngô Đức Đệ, khu vực Kim Châu, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Bị Đơn: Anh Nguyễn Thanh T , sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực Hòa Cư, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2018 các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh T tổ chức cưới hỏi vào tháng 8/2008, trước khi cưới có thời gian tìm hiểu khoảng 03 tháng, tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống phía gia đình chồng ở xã N, cuộc sống không hạnh phúc, năm 2009 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xung đột là do anh T tính gia trưởng, không tin tưởng vợ về quản lý kinh tế, vô kế ghen tuông, luôn chửi mắng, nhiều lần đánh đập chị, vợ chồng luôn lời qua tiếng lại vì những mâu thuẫn lặt vặt khác trong cuộc sống hàng ngày và chị cũng đã nhiều lần

bỏ nhà đi. Vào tháng 8/2018 chị dẫn các con về phía gia đình chị ở và vợ chồng không sống chung từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Hiện chị không còn tình cảm với anh T nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T .

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con gồm: tên Nguyễn Gia H , sinh ngày 19/12/2009, tên Nguyễn Hoài P, sinh ngày 16/4/2014 và tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/01/2016. Các cháu đang sống cùng chị tại nhà cha mẹ chị, sức khỏe các con chung bình thường. Ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi 02 người con nhỏ là cháu P và cháu B, giao anh Trúc nuôi 01 người con lớn là cháu H , yêu cầu anh Trúc cấp dưỡng nuôi 02 người con nhỏ, mỗi người con, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Về tài sản chung: Vợ chồng có lô đất số thửa 209, tờ bản đồ 18 ở khu quy hoạch thôn T, xã Nh, với diện tích 120m^2, giá trị thực tế chuyển nhượng lô đất hiện nay là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Nay chị yêu cầu được quyền sử dụng lô đất trên, chị sẽ thanh toán tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) lại cho anh T . Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng. Ngoài ra, chị không tranh chấp tài sản gì khác.

Theo bản tự khai ngày 07 tháng 01 năm 2019 các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị H về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, con chung và tài sản. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do H ăn nói thiếu tế nhị với chồng và gia đình chồng, ngăn cản không cho các con qua lại với gia đình anh, vợ sống không có trách nhiệm với gia đình chồng, cụ thể ngày giỗ nhà của cha mẹ anh nhưng H lại dẫn con bỏ về phía cha mẹ vợ chơi, anh có khuyên bảo thì H làm to chuyện. Từ trước đến nay vợ bỏ đi rất nhiều lần, có lần ở hơn 01 năm mới quay về nhà, anh nóng tính nên có vài lần đánh vợ. Lần cuối cùng H bỏ đi từ ngày 14/8/2018, vợ chồng không sống chung từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Hiện anh không còn tình cảm với vợ nữa. Nay chị H yêu cầu xin ly hôn nên anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên, ngày tháng năm sinh các con như H trình bày. Ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 02 người con lớn là cháu H và cháu P, giao cho H tiếp tục nuôi cháu B, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 lô đất, số thửa 209, tờ bản đồ 18 ở khu quy hoạch thôn T, xã Nh, diện tích 120m^2, H đang giữ giấy tờ, giá trị 300.000.000.đ (Ba trăm triệu đồng), ngoài ra không có tài sản chung gì khác, vợ chồng không nợ ai. Ly hôn, anh yêu cầu nhận tài sản trên và có nghĩa vụ thanh toán ½ giá trị lô đất cho H, nếu H nhận thì cũng phải thanh toán lại giá trị như trên cho anh.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của những người tiến hành tố tụng và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 55, 59, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H nuôi 02 người con tên Nguyễn Hoài P, sinh ngày 16/4/2014 và tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/01/2016; giao cho anh Nguyễn Thanh T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 19/12/2009. Buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia B mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H, trọn quyền sử dụng lô đất. Buộc chị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh T ½ giá trị lô đất là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã N (nay là UBND phường N) theo giấy chứng nhận kết hôn số`87, quyển số 01 ngày 18/9/2008 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đều xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, luôn kình cãi, không ai nhường nhịn ai, gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng anh chị cũng không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau, anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H vì vậy có cơ sở để xác định mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, do đó việc chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thanh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2] Về con chung:

[2.1] *Xét về yêu cầu nuôi con chung*: Chị H và anh Trúc có 03 người con chung tên Nguyễn Gia H , sinh ngày 19/12/2009, tên Nguyễn Hoài P, sinh ngày 16/4/2014 và tên Nguyễn Gia B sinh ngày 11/01/2016. Tại phiên tòa hôm nay chị H yêu cầu nuôi cháu P và cháu B còn giao anh T nuôi cháu H , yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, mỗi người con mỗi tháng 1.000.000đ. Còn anh T yêu cầu được nuôi 02 người con lớn, chị H nuôi người con nhỏ, không ai cấp dưỡng nuôi con. Việc nuôi con là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, xem xét các điều kiện, bảo đảm việc học hành và các điều kiện về thể chất đủ cho việc sinh hoạt, và phát triển tốt về tinh thần các con. Qua xem xét thực tế hiện chị H cùng cả 03 người con đang ở chung với nhà cha mẹ chị, việc sinh hoạt gặp nhiều khó khăn, Tòa giải thích và phân tích thì chị H cũng đồng ý giao cháu H ở với anh T . Cháu P và cháu B còn quá nhỏ, chưa đủ 05 tuổi mà lâu nay chị H trực tiếp chăm sóc nên tiếp tục giao cho chị nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho sự phát triển cho hai bé hơn. Qua phân tích trên, HĐXX thống nhất giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng còn giao cho chị H nuôi cháu P và cháu B là thỏa mãn với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Qua xem xét về việc giao con như trên, mức thu nhập của anh T, chị H và mức chi phí sinh hoạt của các con ở thời điểm hiện nay và trách nhiệm của anh T đối với các con chung. HĐXX chấp nhận một phần yêu

cầu của chị H, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu nhỏ Nguyễn Gia B , mỗi tháng 1.000.000đ từ thời điểm xét xử sơ thẩm đến khi cháu trưởng thành là phù hợp được quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình. Còn về phương thức cấp dưỡng và thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng căn cứ theo Điều 117 và 118 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về tài sản chung và nợ*: Chị H và anh T đều trình bày thống nhất thửa đất số 209, tờ bản đồ 18 ở T, Nh, diện tích 120m^2, giá trị là 300.000.000đ là tài sản chung của vợ chồng. Xét về nhu cầu nơi ở và sự thỏa thuận giữa anh T và chị H, HĐXX giao cho chị H quyền sử dụng lô đất trên, chị có nghĩa vụ thanh toán lại ½ giá trị cho anh T số tiền là 150.000.000đ. Việc phân chia trên thõa mãn theo Điều 59 và Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.4] *Về án phí:* Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội thì chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ và anh T phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000đ. Án phí chia tài sản 5% giá trị được chia mỗi người phải chịu là 150.000.000 x 5% = 7.500.000đ

Về chi phí đo đạc tài sản: Chi phí đo đạc là 200.000đ, anh T tự nguyện chịu, anh đã nộp xong.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng các Điều 56, 59, 62, 81, 82, 83, 84, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Nguyễn Thanh T .

2. Về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn:

Giao 02 người con tên Nguyễn Hoài P, sinh ngày 16/4/2014 và tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/01/2016 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và giao người con tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 19/12/2009 cho anh T nuôi dưỡng, chị H và anh T chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con đã giao cho đến tuổi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Hiện cả 03 người con chung đang ở với chị H, nên buộc chị H phải giao cháu Nguyễn Gia H cho anh Trúc chăm sóc nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/01/2016,với mức cấp dưỡng mỗi

tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2019 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền yêu cầu Tòa giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Giao cho chị Nguyễn Thị H nhận quyền sử dụng đất có diện tích 120m^2 (6m x 20m), thửa đất số 209, tờ bản đồ 18 ở T, xã Nh, thị xã A, lô đất có tứ cận như sau; Đông giáp nhà ông Nguyễn Bảo T , phía Tây giáp thửa đất Ngô Thị C , phía Nam giáp đường ĐS5, phía Bắc giáp thửa đất chị Trịnh Thị Kim Y.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHO1605 do UBND thị xã A, cấp ngày 09/11/2017 cho chủ sử dụng ông Nguyễn Thanh T - bà Nguyễn Thị H , hiện chị H đang cất giữ. Chị H liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục giấy tờ điều chỉnh GCNQSDĐ đất theo bản án .

Buộc chị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh T tiền chia giá trị tài sản chung là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

4. Về án phí:Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản, tổng cộng 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 4.300.000đ (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008842 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị H còn phải nộp số tiền là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản, tổng cộng là 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004533 ngày 21/3/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, anh T còn phải nộp 4.050.000đ (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

5/ Về Chi phí đo đạc tài sản: Chi phí đo đạc số tiền là 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng) , anh T tự nguyện chịu, anh đã nộp xong.

6 Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị H và anh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
-VKSND thị xã A;
- UBND phường N
- Chi cục THADS. TX A;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kiều Oanh